

Số: /BC-STC

Hậu Giang, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tháng 3, quý I và phương hướng tháng 4, quý II trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

I. Tổng quan tình hình giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong tháng 3 và quý I năm 2024

Trong quý I, Tết Nguyên đán năm trợn trong tháng 2, các ngành chức năng của tỉnh đã có kế hoạch và thực hiện khá tốt các chương trình để người dân vui xuân đón tết, với những kết quả đạt được tích cực, khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Các đơn vị liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp sớm chủ động chuẩn bị đầy đủ, kịp thời lực lượng, hàng hoá, nhất là các mặt hàng thiết yếu để đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm của người dân dịp cuối năm 2023 và Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024, góp phần ổn định thị trường, bình ổn giá cả. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng, giá cả tương đối ổn định không biến động nhiều. Tình hình giá cả trong tháng 3 năm 2024 có diễn biến tăng giảm qua chỉ số giá được thể hiện cụ thể:

Chỉ số giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 3 năm 2024 so tháng trước bằng 100,10 %; so với kỳ gốc 2019 bằng 118,89 %; so với tháng 3 năm trước bằng 106,49 %. Bình quân 3 tháng năm 2024 so với bình quân 3 tháng năm 2023 bằng 106,24 %.

Cụ thể chỉ số giá của các nhóm hàng chính trong tháng như sau:

NHÓM HÀNG	Chỉ số giá so với (%)		
	So với kỳ gốc	So với tháng trước	Bình quân cùng kỳ
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	118,89	100,10	106,24
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	122,45	99,07	106,57
1. Lương thực	149,55	98,55	129,15
2. Thực phẩm	117,33	98,86	102,39
3. Ăn uống ngoài gia đình	119,51	100,15	103,74
II. Đồ uống và thuốc lá	111,84	99,92	103,68

III. May mặc, mũ nón, giày dép	113,95	100,00	100,95
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	129,38	102,27	117,66
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,58	100,01	100,58
VI. Thuốc và Dịch vụ y tế	112,19	100,00	109,52
VII. Giao thông	114,21	99,53	101,85
VIII. Bưu chính viễn thông	100,55	100,00	100,00
IX. Giáo dục	141,35	100,00	98,70
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	101,72	100,13	100,57
XI. Hàng hóa và dịch vụ khác	114,39	100,64	105,13
<i>Chỉ số giá vàng</i>	178,34	106,87	119,51
<i>Chỉ số giá đôla Mỹ</i>	107,19	100,99	104,97

1. Diễn biến cụ thể tình hình giá cả thị trường tháng 3 và quý I/2024

1.1. Lương thực, thực phẩm:

a) Lương thực

Chỉ số giá nhóm các mặt hàng này trong tháng giảm 1,45 % so tháng trước, cụ thể: Gạo tẻ thường giảm 1,76 %; gạo tẻ ngon giảm 2,18 %. Nguyên nhân giảm do nhu cầu tiêu dùng mua chậm lại, vụ lúa đông xuân đang thu hoạch rộ, các thương lái thu mua hàng hóa trong dân với số lượng nhiều và có phần ép giá bán, thị trường xuất khẩu giá chào bán gạo xuất khẩu của Việt Nam có xu hướng chững lại và có phần giảm nhẹ so tháng trước, lượng hàng hóa trên thị trường đang nhiều và phong phú nên giá giảm.

Cụ thể, lúa Đài Thơm 8 ở mức 7.800 - 8.000 đồng/kg, lúa IR 50404 ở mức 7.200 - 7.300 đồng/kg; lúa OM 5451 ở mức 7.300 - 7.400 đồng/kg; lúa Nàng hoa 9 từ 7.500 - 7.700 đồng/kg; lúa OM 18 ở mức 7.600 - 7.800 đồng/kg; lúa Nhật 7.800 - 8.000 đồng/kg.

Giá lúa lương thực và gạo nguyên liệu bình quân trong quý I/2024 tăng so 500đ/kg với quý I/2023, cụ thể giá lúa dài 6.000đ/kg; giá gạo một số loại thành phẩm: gạo tài nguyên 16.000đ/kg, gạo Hương Lài sữa dao động từ 15.000 – 18.000đ/kg ổn định so với kỳ trước.

Giá gạo tại hệ thống siêu thị Co.opmart trên địa bàn tỉnh Hậu Giang có giá như sau: Giá gạo hiện có giá như sau: Gạo Nàng Hoa Co.op Select 25.000đ/kg, gạo thơm ST24 Coop Finest có giá 39.800đ/kg, gạo thơm thái Xuân Hồng 24.800đ/kg, gạo thơm Jasmine Coop Select giá 18.300đ/kg, gạo thơm Đài Loan Xuân Hồng 28.500đ/kg, gạo Hương Lài Thiên Kim VP giá 20.300đ/kg...

b) Thực phẩm

Bình quân chỉ số giá nhóm hàng này trong tháng 3 năm 2024 có giảm nhẹ so tháng trước, cụ thể:

- Thịt lợn giảm 1,95 %; nội tạng động vật giảm 1,93 %; thịt bò giảm 1,63 %. Nguyên nhân giảm do thị trường tiêu thụ chậm, lượng hàng hóa nhiều, đồng thời cũng do giá heo hơi giảm mạnh nên giá bán lẻ tiêu dùng giảm.

- Thịt gia cầm giảm 1,53 %; thịt gia cầm khác giảm 2,23 %; thịt chế biến giảm 0,08 %; thịt quay, giò, chả giảm 0,07 %; trứng các loại giảm 5,13 %. Nguyên nhân do nguồn cung nhiều nên giá giảm.

- Thủy sản tươi sống giảm 2,02 %; cá tươi hoặc ướp lạnh giảm 2,44 %. Nguyên nhân giảm do nhu cầu tiêu thụ trong dân không cao, sản lượng về chợ nhiều nhu cầu thấp, hàng hóa cung cấp phong phú và đa dạng nên giá giảm.

Diễn biến cụ thể trong tháng 03: giá heo hơi tại Hậu Giang giảm khoảng 1.000đ/kg so với tháng trước, có giá dao động từ 50.000 - 51.000đ/kg, giá một số loại thịt tại các chợ, sạp có giá như sau: giá thịt thăn 110.000đ/kg, thịt ba chỉ có giá 90.000đ/kg, thịt đùi heo 120.000đ/kg; gà ta làm sẵn nguyên con có giá 110.000đ/kg; vịt làm sẵn nguyên con dao động từ 65.000 - 75.000đ/kg; thịt thăn bò có giá 180.000đ/kg, bò phi lê dao động từ 180.000 - 220.000đ/kg...

Bình quân trong quý I/2024 giá heo hơi giảm nhẹ 3.000đ/kg so với quý I/2023, giá thịt thăn 103.000đ/kg, thịt đùi 120.000đ/kg, ba chỉ 100.000đ/kg ổn định so với cùng kỳ.

Giá các loại trứng ổn định, cụ thể: Trứng vịt có giá dao động từ 30.000 - 35.000đ/chục 10 quả, hiện trứng gà ta có giá 35.000 - 40.000đ/chục 10 quả.

Hiện tại các mặt hàng rau củ quả thiết yếu trong tháng và quý I cũng có biến động tùy loại và tùy địa phương, cụ thể như: bắp cải 15.900đ/kg (*giảm 1.000đ/kg*), bí đỏ 16.500đ/kg (*giảm 3.500đ/kg*), bí xanh 17.000đ/kg (*tăng 5.000 2.000đ/kg*), cà rốt 22.500đ/kg (*giảm 3.000đ/kg*), cải ngọt 18.000đ/kg (*ổn định*); khổ qua 22.000đ/kg (*ổn định*), khoai tây 32.000đ/kg (*tăng 4.000đ/kg*), dưa leo 15.000đ/kg (*giảm 5.000đ/kg*), bầu 16.000đ/kg (*tăng 2.000đ/kg*), cà chua 25.900đ/kg (*ổn định*), bắp cải 16.900đ/kg (*ổn định*), su su 16.900đ/kg...

Mặt hàng thủy, hải sản trong tháng 3 và quý I/2023 có giá, cụ thể: Cá lóc nuôi từ 45.000 - 50.000đ/kg, cá lóc đồng dao động từ 100.000 - 120.000đ/kg, cá điêu hồng 45.000 - 50.000đ/kg, cá chép, cá basa có giá 55.000đ/kg, vịt xiêm 85.000 - 90.000đ/kg, vịt ta 65.000 - 70.000đ/kg, tôm sú ướp lạnh cỡ 30-40

con/kg có giá 220.000đ/kg, cá thu 150.000đ/kg, cua biển tươi còn sống (cua thịt) 280.000đ/kg, cua gạch có giá 450.000đ/kg

Giá một số trái cây, cụ thể: Bưởi da xanh có giá từ 30.000 - 35.000đ/kg (*tăng 5.000đ/kg*), cam sành từ 15.000 - 25.000đ/kg (*giảm 5.000đ/kg*), cam xoàn giá từ 25.000 - 35.000đ/kg (*ổn định*), quýt đường Long Trị từ 25.000 - 30.000đ/kg, khóm Cầu Đúc từ 10.000 - 15.000đ/trái (*ổn định*).

Giá một số mặt hàng thực phẩm công nghệ có giá, cụ thể: đường tinh luyện Biên Hòa loại 1kg có giá 28.500đ/gói, đường kính trắng RS Coop Happy loại 1kg có giá 26.500đ/kg, đường tinh luyện RE CoopSelect 500g có giá 14.900đ/gói, bột ngọt Ajinomoto loại 454g giá 34.400đ/bịch; bột ngọt Aji-nagon 400g có giá 34.400đ/bịch; nước mắm Liên Thành nhãn ngọc 600ml có giá 71.000đ/chai; dầu ăn Neptune chai nhựa 2 lít có giá 132.000đ/chai.

Nước giải khát: Pepsi lon cao 24x330ml giá 190.000 đồng/thùng; Fanta lon cao 24x330ml giá 89.000 đồng/thùng; Coca cola lon cao 24x320ml có giá 198.000 đồng/thùng; Sprite chanh 12 lon 320ml có giá 89.000đ/thùng...

Giá một số loại bia: Bia Heineken 24lonx330ml giá dao động 390.000 - 400.000 đồng/thùng; Bia Ruby thùng 24x330ml có giá 199.000 đồng/thùng; Bia SG Lager thùng 24lonx330ml giá là 235.000 đồng/thùng; Bia Tiger 24lonx330ml có giá 350.000 đồng/thùng...

1.2. Vật tư, vật liệu xây dựng

Trong quý I/2024 giá xăng dầu đã có 12 lần điều chỉnh giá (*7 lần tăng và 5 lần giảm giá*). Trong kỳ điều hành ngày 28/3/2024 giá xăng dầu tiếp tục điều chỉnh tăng như sau:

Xăng A95III có giá 25.300đ/lít (*tăng 540đ/lít*), xăng E5 là 24.090đ/lít (*tăng 420đ/lít*), dầu diesel 21.740đ/lít (*giảm 330đ/lít*).

Giá Gas: Giá Gas: Trong quý I/2024 giá gas có 3 lần điều chỉnh tăng, cụ thể tháng 03/2024 tăng 2.000đ/bình 12kg: Hiện tại giá gas trong tháng có giá bán ra, cụ thể: gas Petimex 366.000đ/bình 12kg; gas Gas Total: 458.000đ/bình 12 kg.

Giá phân bón, cụ thể: DAP xanh (Hồng Hà) có giá 24.000 đồng/kg; Đạm Cà Mau 10.600đ/kg; DAP Đình Vũ giá 17.000 đồng/kg; NPK Bình Điền 13.300đ/kg.

Giá vật liệu xây dựng có giá, cụ thể: giá bán lẻ Xi măng PCB40 Tây Đô đa dụng có giá 83.000 đồng/bao/50kg; Sắt 6 Tây Đô thép cuộn có giá 18.700đ/kg; sắt 8 Tây Đô 19.000đ/kg; sắt 10 Tây Đô 110.000đ/cây 11.7m, sắt 12 Tây Đô 156.000đ/cây 11.7m; sắt 14 Tây Đô 213.000đ/cây 11.7m; sắt 16 Tây Đô 276.000đ/cây 11.7m; sắt 18 Tây Đô 353.000đ/cây 11.7m.

2. Dịch vụ giao thông công cộng

Giá dịch vụ giao thông công cộng trong tháng ổn định, cụ thể: tuyến Vị Thanh - Cần Thơ giá vé 40.000đ/hk; Vị Thanh - TP. Hồ Chí Minh giá vé 100.000đ/hk; Vị Thanh - Vũng Tàu: 145.000đ/hk; Xe Phương Trang chất lượng cao tuyến Vị Thanh - TP Hồ Chí Minh có giá 170.000đ/hk.

3. Giá vàng và đô la Mỹ

Hiện tại giá vàng luôn biến động tăng, cụ thể trong tháng 03/2024 giá vàng bình quân tăng khoảng 400.000đ/chỉ, cụ thể: mua vào từ 6.740.000đ/chỉ, bán ra 6.820.000đ/chỉ.

Bình quân trong quý I/2024 giá vàng dao động tăng khoảng 1.000.000đ/chỉ so với quý I/2023, cụ thể: vàng (99,9%) mua vào từ 6.446.000đ/chỉ, bán ra 6.54.000đ/chỉ.

Tỷ giá Dollar Mỹ trong tháng tăng 320đ/USD so với tháng trước, hiện có giá như sau: mua vào là 24.760đ/USD, bán ra ở mức 25.130đ/USD.

Tỷ giá Dollar Mỹ bình quân trong quý I/2024 tăng 1.106đ/USD so với cùng kỳ như sau: Mua vào 24.460đ/USD, bán ra 24.836đ/USD.

II. Đánh giá tình hình thực hiện công tác tháng 3 và quý I năm 2024

Thực hiện các Chỉ thị: các Chỉ thị: Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm đón Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; Chỉ thị số 01/CT-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2023; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang Về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong tổ chức đón Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Thực hiện Công văn số 204/VP.UBND-NCTH ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang V/v triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Sở Tài chính đã triển khai thực hiện tại Công văn số 94/STC-QLGCSDN ngày 11 tháng 01 năm 2024 và xây dựng Kế hoạch số 02/KH-STC ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài chính về tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Trong quý I Sở Tài chính đã tiếp nhận tổng số 42 văn bản kê khai giá bằng văn bản giấy và 26 đơn vị thực hiện kê khai trên phần mềm cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh đối với lĩnh vực kinh doanh gas, xăng dầu, phân bón, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra hồ sơ kê khai giá của các cơ sở kinh doanh cho thấy mức giá bán và biểu mẫu tương đối phù hợp với quy định.

Phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang tiến hành điều tra, xác định chi phí sản xuất, tính giá thành sản xuất thóc hàng hóa vụ Đông Xuân năm 2024.

Tiếp tục thực hiện công tác theo dõi và báo cáo diễn biến giá hàng hóa thiết yếu, tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trên địa bàn tỉnh Hậu Giang gửi Bộ Tài chính đúng thời gian quy định.

III. Dự báo tình hình giá cả thị trường trong tháng 4 và quý II/2024

Các mặt hàng lương thực, thực phẩm trong tháng tới tiếp tục biến động do ảnh hưởng các mặt hàng xăng dầu biến động.

Giá vàng, USD, giá gas, xăng dầu tiếp tục biến động do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới.

Tiếp tục công tác thu thập và cập nhật tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 3, quý I và phương hướng tháng 4, quý II/2024 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang kính báo đến Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Cục QL giá (Văn phòng A, B);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: CT, LĐTBXH, TNMT, XD, TTTT, NN&PTNT, GTVT;
- Sở TC các tỉnh;
- Lưu: VP, QLGCSDN._{HT}

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Kim Loan